TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2025/HNGĐ-ST.
Ngày 23/01/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơm.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hà Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 314/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31/12/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Văn D**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T và anh D đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đặng Văn D kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 24/12/2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng nhau tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, anh D không chịu khó làm ăn và không quan tâm đến vợ con, nhiều lần đánh chị khiến mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, thực tế vợ

chồng đã sống ly thân từ năm 2021, hiện không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh D đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T xác định, chị và anh Đặng Văn D có 01 con chung là cháu Đặng Thiện N, sinh ngày 12/6/2019. Hiện nay cháu đang ở cùng chị T và bố mẹ chị tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác định, chị và anh Đặng Văn D không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn anh Đặng Văn D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 24/12/2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng nhau tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Hiện nay anh đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T về tội: Giết người (giết con đẻ của mình là cháu Đặng Thiện N nhưng tội phạm chưa hoàn thành).

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị T đến nay đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có có 01 con chung là cháu: Đặng Thiện N, sinh ngày 12/6/2019. Hiện nay cháu đang ở cùng chị T tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Anh đề nghị giao cháu Đặng Thiện N cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay anh đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam không đảm bảo các điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đặng Văn D xác định, anh và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người

tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS; Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thuận X cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn D.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Đặng Thiện N, sinh ngày 12/6/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Đặng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Căn cước công dân (bản phô tô chứng thực); Giấy khai sinh con chung (bản phô tô có chứng thực); Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn, bị đơn; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn D kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp; chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; bị đơn anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] *Về hôn nhân:*

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn D kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị T đề nghị ly hôn, anh D cũng nhất trí ly hôn.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn D là đúng thực tế, từ sau khi kết hôn hai vợ chồng không thường xuyên chung sống cùng nhau và đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay hai vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc với nhau và cũng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, cả hai cùng xác định đã không còn tình nghĩa vợ chồng với nhau; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả chị T và anh D đều nhất trí ly hôn, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn D.

[2.2] *Về con chung:*

Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn D cùng xác định có 01 con chung là cháu Đặng Thiện N, sinh ngày 12/6/2019. Hiện nay cháu đang ở cùng chị T.

HĐXX xét thấy, căn cứ đơn đề nghị xác nhận của chị Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 (là mẹ đẻ của chị T) có xác nhận của UBND xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện: Hiện nay chị Nguyễn Thị T có chỗ ở ổn định (đang ở cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Hồng T1), chị T làm công nhân và các công việc tự do khác mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng – 8.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi con chung; Cháu N đã sinh sống cùng chị T từ nhỏ đã quen môi trường sống, sinh hoạt và học tập; Đối với anh Đặng Văn D hiện nay đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T đã bị khởi tố, truy tố về tội giết người, không đảm bảo các điều kiện nuôi con, anh D cũng nhất trí để chị T trực tiếp nuôi cháu N.

Do đó, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của con chung và ưu tiên bảo đảm lợi ích của con, cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Đặng Thiện N cho chị Nguyễn

Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, anh D cũng nhất trí nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Đặng Văn D không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" của chị Nguyễn Thị T đối với anh Đặng Văn D.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn D (*Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 24/12/2018, tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh*). Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Thiện N, sinh ngày 12/6/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh Đặng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000002294523, ngày 25/11/2024 của Công ty cổ phần T2 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002236, ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đặng Văn D không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Lâm Hợp (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Thị Huệ **Lộc Thị Kim Thơm** **Vũ Mạnh Hồng**